

BÁO CÁO

sơ kết giữa nhiệm kỳ Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện về “Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề giai đoạn 2020-2025”

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025, Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số 27 -KH/HU, ngày 14/12/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII Đảng bộ huyện về “Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề giai đoạn 2020 - 2025”.

Qua triển khai thực hiện Kế hoạch, với sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề (GN-GQVL&ĐTN) trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ 2,5 NĂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỀ “GIẢM NGHÈO, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025”

I. Tình hình triển khai tổ chức thực hiện

1. Về công tác học tập, quán triệt

Ngay sau khi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025 được ban hành, Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện, Mặt trận, các hội đoàn thể và các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết cùng với các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Huyện ủy về công tác GN-GQVL&ĐTN⁽¹⁾ đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Huyện ủy đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 27 -KH/HU ngày 14/12/2021 về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII về “Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025”, đồng thời tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết, nội dung Kế hoạch

⁽¹⁾ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 27-KH/HU ngày 14/12/2021 của Huyện ủy Tuy Phước về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII Đảng bộ huyện về “Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025”.

số 27 -KH/HU, ngày 14/12/2021 đến toàn thể đội ngũ cán bộ chủ chốt của huyện, xã, thị trấn và các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, mặt trận, các hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang và Nhân dân trong huyện về vai trò, ý nghĩa của công tác GN-GQVL&ĐTN đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị ở địa phương.

Hằng năm, chỉ đạo UBND huyện và các địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác GN-GQVL&ĐTN với các giải pháp, cách làm hay và hiệu quả, phân công cán bộ, đảng viên cùng với các cơ quan, đơn vị, địa phương, mặt trận, hội đoàn thể cùng hộ nghèo đăng ký thoát nghèo để tư vấn, giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo bền vững; tập trung huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội gắn với công tác GN-GQVL&ĐTN, chủ động phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, thực hiện các chính sách hỗ trợ, thường xuyên kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nhằm đảm bảo các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra hoàn thành đúng tiến độ, đạt hiệu quả.

II. Kết quả đạt được

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

1.1. Về chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

+ Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2021: Toàn huyện còn 1.033 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,93%, giảm 0,28% so cùng kỳ, vượt 0,07% so KH⁽²⁾; 796 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,49% hộ dân toàn huyện, giảm 0,19% so cùng kỳ. Duy trì không còn người có công thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

+ Chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025: Tỷ lệ nghèo đa chiều từ 8,27% cuối năm 2021 giảm còn 5,94% cuối năm 2022 (*giảm 2,33% so cùng kỳ*), trong đó hộ nghèo còn 1.934 hộ, chiếm tỷ lệ 3,53%, giảm 1,40% so cùng kỳ, vượt 0,4% so KH năm (*bình quân hằng năm giảm 1%*); hộ cận nghèo còn 1.379 hộ, chiếm tỷ lệ 2,41%, giảm 0,93% so cùng kỳ. Duy trì không còn người có công thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

1.2. Về chỉ tiêu tạo việc làm

Đã tạo việc làm cho 8.290 lao động (*đạt 331,6% so KH và đạt 165,8% so cả giai đoạn*), trong đó xuất khẩu lao động 104 người.

1.3. Về chỉ tiêu đào tạo nghề

Đã tổ chức mở 31 lớp đào tạo nghề cho 1.030 lao động với tổng kinh phí thực hiện trên 2.456 triệu đồng, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đạt 62%, vượt 8,5% so KH và vượt 7% so cả giai đoạn⁽³⁾.

1.4. Duy trì không còn hộ nghèo ở nhà đơn sơ, tạm bợ.

⁽²⁾ Kế hoạch số 27 -KH/HU ngày 14/12/2021 của Huyện ủy, tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2025 còn dưới 2%.

⁽³⁾ Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt 55%

1.5. 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.

1.6. Thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng quy định các chế độ, chính sách đối với hộ nghèo về trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt đã thực hiện hỗ trợ chi trả kịp thời cho trên 18.810 đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68-126/NQ-CP, Quyết định số 23-33/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 08/8/2021 của UBND tỉnh với tổng số tiền trên 33.598 triệu đồng và hỗ trợ tiền thuê nhà cho 125 người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg, ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền 193 triệu đồng.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, các địa phương, đơn vị đã xác định rõ giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu; chỉ tiêu giảm nghèo là chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn 2021-2025 của huyện; đưa kết quả thực hiện mục tiêu GN-GQVL&ĐTN vào tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng của từng tập thể, cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan liên quan và các địa phương.

Các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, cấp ủy viên, đại biểu HĐND huyện, xã, thị trấn và cán bộ, đảng viên theo dõi, đứng điểm các địa bàn xã, thị trấn, thôn/khu phố để thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác GN-GQVL&ĐTN. Trên cơ sở chỉ tiêu GN-GQVL&ĐTN huyện giao cho xã, thị trấn, các địa phương căn cứ tình hình thực tế để giao chỉ tiêu GN-GQVL&ĐTN cho các thôn/khu phố, đồng thời huy động và phân bổ nguồn lực để thực hiện các giải pháp hỗ trợ thoát nghèo bền vững phù hợp với đặc điểm, nguyên nhân, nguyện vọng của hộ gia đình.

Mặt trận Tổ quốc và các Hội đoàn thể đã tích cực phối hợp với chính quyền các cấp trong việc thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức hưởng ứng mạnh mẽ và tích cực tham gia ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” đạt chỉ tiêu đề ra; huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trong giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP, ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và Quyết định số 768/QĐ-UBND, ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP, ngày 22/12/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh

Bình Định, UBND huyện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP, ngày 22/12/2021 của Chính phủ trên địa bàn huyện tại Quyết định số 1736/QĐ-UBND, ngày 05/5/2022. Theo đó, đã chỉ đạo các ngành và địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể để đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo. Huy động, lồng ghép nhiều nguồn vốn Trung ương, địa phương xây dựng dự án, chương trình nhằm thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững, dự án của Chương trình để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Các hoạt động hỗ trợ cụ thể thông qua các dự án, chính sách góp phần đưa chủ trương của Đảng, Nhà nước vào thực tế đời sống, phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc ta trong công tác giảm nghèo bền vững.

Trong tổ chức thực hiện công tác GN-GQVL&ĐTN, các ngành và các địa phương đã tăng cường rà soát, thực hiện tốt việc cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các chế độ, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, khuyến khích hộ thoát nghèo được giải quyết theo đúng quy định về quy trình, hồ sơ, thủ tục và giải quyết theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính. Thực hiện công khai, minh bạch hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo và triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.

Qua đó, đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân về nội dung, mục tiêu của công tác GN-GQVL&ĐTN, phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự chung tay của toàn xã hội trong triển khai thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch.

2.2. Công tác tuyên truyền

Quán triệt các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác GN-GQVL&ĐTN, các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong hệ thống chính trị và Nhân dân, nhất là nâng cao ý thức hộ nghèo tự giác vượt khó vươn lên thoát nghèo.

Đã chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện, các trang thông tin điện tử của huyện phối hợp với các ngành, hội đoàn thể, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn mở chuyên mục, thường xuyên đăng tin bài về công tác GN-GQVL&ĐTN, phổ biến chính sách giảm nghèo. Ngoài ra, đã xây dựng nhiều pano, khẩu hiệu tuyên truyền, cấp phát hàng chục nghìn tờ rơi, tài liệu tuyên truyền về GN-GQVL&ĐTN,... để người dân, cán bộ theo dõi, nắm rõ và tham gia thực hiện; đồng thời thay đổi cách nghĩ, cách làm, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại, phát huy nội lực, tự vươn lên thoát nghèo.

Tổ chức các hội nghị đối thoại chính sách về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để tuyên truyền, giới thiệu những chính sách ưu đãi, an sinh xã hội của Nhà nước đối với hộ nghèo, nâng cao mức sống cho gia đình người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội là hộ nghèo, cận nghèo; tổ chức đào tạo nghề, các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các xã, thị trấn; thông báo nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm tạo việc làm cho

người dân; thông báo công khai các chính sách giảm nghèo bền vững của Trung ương, của tỉnh, huyện để Nhân dân biết, giám sát và thực hiện đạt kết quả.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động nhiều phong trào, vận động hộ nghèo tham gia đăng ký thoát nghèo, đồng hành cùng thực hiện Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia các phần việc thiết thực, nhận hỗ trợ, giúp đỡ trực tiếp hộ nghèo phát triển sản xuất, cải thiện nhà ở, học tập, chăm sóc sức khỏe.

2.3. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững

Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho việc công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đạt được nhiều kết quả tích cực. Đã tích cực triển khai công tác kêu gọi đầu tư vào các cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn, phối hợp triển khai thực hiện các công trình trọng điểm về giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, văn hóa,...; đã vận dụng tốt các cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp - TTCN. Kết quả, toàn huyện hiện có 558 doanh nghiệp đang hoạt động, giải quyết việc làm cho 7.396 lao động và có 10.872 cơ sở sản xuất kinh doanh (*trong đó lĩnh vực thương mại dịch vụ 8.989 cơ sở, lĩnh vực công nghiệp 1.883 cơ sở*), đã giải quyết việc làm cho hơn 18.200 lao động, góp phần tạo thu nhập bình quân đầu người ước cuối năm 2022 đạt 51,2 triệu đồng/người/năm, tác động đáng kể đến kết quả giảm nghèo ở địa phương.

Chương trình khuyến công, khuyến nông, hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất của huyện trong những năm qua tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2021-2022 là 3,79%, giá trị sản xuất bình quân/ha canh tác đạt 140,5 triệu đồng/năm (*KH đạt 150 triệu đồng/năm*), trong đó đã triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất ngày càng rộng rãi, ổn định diện tích 2 vụ lúa/năm, sử dụng các giống lúa phù hợp; triển khai quy hoạch vùng sản xuất lúa chất lượng cao 3.800 ha, trong đó: liên kết theo chuỗi giá trị 1.000ha/năm, với giá bán lúa giống tăng hơn 20-25% và sản lượng cung ứng trên 5.000 tấn giống/năm, đã làm tăng thêm thu nhập của người nông dân 3-5 triệu đồng/ha; triển khai thực hiện có hiệu quả diện tích cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết; nhiều mô hình sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao được triển khai thực hiện, như mô hình sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap; phát triển làng nghề trồng hoa Bình Lâm với 201 hộ trồng hoa, tổng diện tích hoa 7,55 ha, hàng năm xuất khoảng 58.830 chậu hoa, ước đạt 20,5 tỷ đồng/năm; phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ giai đoạn 2021 - 2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “*Bò thịt chất lượng cao Bình Định*” với quy mô 260 con/38 hộ, lợi nhuận thu được từ 8-10 triệu đồng/con; ứng dụng công nghệ 4.0 tại 02 trang trại chăn nuôi “*Gà Minh Dư*” tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm tiếp tục được phát triển; triển khai 01ha nuôi tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn siêu thâm canh bằng công nghệ cao tại xã Phước Hòa, lợi nhuận thu được 300 triệu đồng/ha/năm; ứng dụng sản xuất nuôi cây

mô để ươm giống cây lâm nghiệp,...Ngoài ra, việc thực hiện 100% cơ giới hóa trong khâu làm đất và thu hoạch, tạo điều kiện lao động nông nhân cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng thu nhập cho hộ gia đình.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chú trọng, quan tâm chỉ đạo thực hiện. Kết quả tổng nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023 trên 48,6 tỷ đồng đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đổi mới bộ mặt đô thị, nông thôn và phục vụ nhu cầu dân sinh. Huyện Tuy Phước được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện nông thôn mới năm 2020, đã có 03 xã: Phước Nghĩa, Phước Quang, Phước Sơn được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022; xã Phước Lộc, xã Phước Hoà được công nhận là đô thị loại V. Ngoài ra, trên địa bàn huyện đã được phê duyệt công nhận 11 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh hạng 3 sao, Chương trình OCOP đã đạt được những kết quả tích cực, tạo ra những chuyển biến mới, sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ ở địa phương góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập nông thôn và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.4. Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Công tác đào tạo nghề

Đã tổ chức mở 31 lớp đào tạo nghề cho 1.030 lao động với tổng kinh phí thực hiện trên 2.456 triệu đồng. Việc thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho nhiều lao động có cơ hội tìm được việc làm, thu nhập ổn định, góp phần giảm nghèo bền vững và góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đạt 62%, vượt 7% so cả giai đoạn 2021-2025.

- Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động

Đã phối hợp Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, các công ty, doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng lao động trong và ngoài huyện tổ chức các phiên giao dịch việc làm (trực tiếp và trực tuyến), thu hút hàng nghìn người tham gia; đồng thời đã tích cực triển khai thực hiện nhiều chương trình, chính sách tạo việc làm cho người lao động như: thông qua chính sách tín dụng vay vốn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương, lồng ghép thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, kịp thời thông tin thị trường lao động trong và ngoài nước, nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện,... để người lao động biết và đăng ký tham gia. Kết quả đã tạo việc làm cho 8.290 lao động (đạt 331,6% so KH và đạt 165,8% so cả giai đoạn), trong đó có 104 người tham gia xuất khẩu lao động.

2.5. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo để hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo thu nhập và an sinh xã hội

- Chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ giảm nghèo

Đã giải quyết cho hơn 10.800 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định của Chính phủ, với tổng doanh số cho vay 414.997 triệu đồng, nâng tổng dư nợ ước đến ngày 30/6/2023 đạt 535.818 triệu đồng

với hơn 11.600 hộ vay còn dư nợ, đặc biệt đã giải quyết cho 177 người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 vay vốn để duy trì việc làm và chuyển đổi việc làm, với số tiền 07 tỷ đồng, 40 hộ vay hỗ trợ tái đàn bò do dịch bệnh viêm da nổi cục, với số tiền 630 triệu đồng,... Vốn tín dụng chính sách được đầu tư vào các lĩnh vực khác nhau phát huy được hiệu quả, góp phần tạo ra việc làm tại chỗ cho nhiều lao động và giảm nghèo bền vững, đồng thời giải quyết một số nhu cầu cấp thiết tại địa phương, tạo đà phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và giảm các tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện thời gian qua.

- Hỗ trợ về y tế

Đã gia hạn và cấp mới 112.242 thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, góp phần nâng tỷ lệ người tham gia BHYT toàn dân đạt 94,42% dân số; đã thực hiện khám, chữa bệnh hơn 332,5 nghìn lượt người, trong đó hơn 1,2 nghìn lượt người nghèo, cận nghèo; các chương trình MTQG về y tế được triển khai có hiệu quả; 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 7,16%.

- Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

Đã thực hiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh với tổng số tiền trên 5,6 tỷ đồng, gồm miễn, giảm, cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non, mẫu giáo; hỗ trợ học sinh khuyết tật. Ngoài ra, công tác khuyến học, khuyến tài, xã hội hóa giáo dục được quan tâm; các Trung tâm học tập cộng đồng từng bước được củng cố; duy trì tốt số lượng học sinh học nghề phổ thông, tỷ lệ tốt nghiệp nghề đạt 98%.

- Hỗ trợ người nghèo về nhà ở

Từ nguồn kinh phí vận động các tổ chức, cộng đồng, cá nhân ủng hộ đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 65 hộ gia đình nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở với số tiền trên 03 tỷ đồng; hỗ trợ 43 nhà ở bị sập hoàn toàn, 26 nhà ở bị hư hỏng nặng do mưa lũ gây ra với tổng số tiền trên 2,1 tỷ đồng⁽⁴⁾.

- Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội

Đã thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hơn 17.170 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số tiền hơn 3,3 tỷ đồng.

- Trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Công tác tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật nói chung công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo đã được các ngành, hội đoàn thể các cấp và các địa phương đã phối hợp tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, nhất là trong công tác tuyên truyền thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác hòa giải cơ sở. Qua đó các mâu thuẫn tranh chấp

⁽⁴⁾ Năm 2021: hỗ trợ 32 nhà sập, 23 nhà hư hỏng, số tiền 1.620 triệu đồng; năm 2022: hỗ trợ 11 nhà sập, 03 nhà hư hỏng, số tiền 538 triệu đồng

trong Nhân dân được hòa giải ngay tại cơ sở, giảm dần tình trạng đơn thư khiếu kiện vượt cấp, góp phần hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật, ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội

Đã tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công và đối tượng xã hội trên địa bàn với tổng số tiền gần 300 tỷ đồng; đã triển khai và thực hiện chi hỗ trợ kịp thời cho gần 19.000 đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68-126/NQ-CP, Quyết định số 23-33/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 08/8/2021 của UBND tỉnh với tổng số tiền trên 33,5 tỷ đồng; hỗ trợ 125 người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền 193 triệu đồng; tiếp nhận và phân bổ gần 425 tấn gạo cho các xã, thị trấn để cứu trợ cho hơn 28.300 lượt người dân có khả năng thiếu đói trong dịp tết và giáp hạt; công tác trợ giúp xã hội đột xuất, các hoạt động bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới tiếp tục thực hiện hiệu quả,... Ngoài ra, nhân các dịp lễ, Tết, ngày kỷ niệm đã phối hợp thăm, tặng gần 50.000 suất quà cho các gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn do đại dịch COVID-19, hộ bị thiệt hại do thiên tai gây ra,... với tổng số tiền ước tính trên 18,3 tỷ đồng, góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2.6. Công tác nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá

Đã phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho hơn 1.500 lượt cán bộ, gồm: thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG huyện Tuy Phước giai đoạn 2021-2025, lãnh đạo UBND cấp xã, cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý ở các xã, thị trấn, Trưởng/phó thôn, khu phố, đại diện mặt trận, các chi hội đoàn thể các thôn/khu phố và nhiều hộ dân là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, góp phần nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về GN-GQVL&ĐTN, từ đó kịp thời tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương, đặc biệt là đội ngũ cán bộ mới được bố trí làm công tác GN-GQVL&ĐTN.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình GN-GQVL&ĐTN cũng được các thành viên Ban Chỉ đạo của huyện phối hợp, tổ chức thực hiện theo quy định. Đã tổ chức 26 lượt giám sát tại các xã, thị trấn về kết quả thực hiện các dự án, chính sách, mức độ tiếp cận của đối tượng thụ hưởng chính sách và hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ trên địa bàn. Qua hoạt động giám sát, đã nắm bắt, đánh giá được tình hình triển khai thực hiện Chương trình ở các địa phương để kịp thời phát hiện, hướng dẫn khắc phục những sai sót trong quá trình thực hiện, góp phần bảo đảm thực hiện các chính sách có hiệu quả, đúng mục tiêu, đối tượng mà Chương trình đã đề ra.

2.7. Công tác huy động, lồng ghép các nguồn lực

a. Huy động, lồng ghép các nguồn lực thông qua hội đoàn thể

Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên đã tích cực phối hợp với chính quyền các cấp thực hiện phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau*” với phương châm “*Không để hộ nghèo, hộ chính sách khó khăn nào không có một tổ chức hỗ trợ, giúp đỡ*”. Qua 2,5 năm, các cấp đã vận động Quỹ “*Vì người nghèo*” được gần 1,8 tỷ đồng và tiếp nhận 840 triệu đồng để hỗ trợ xây dựng nhà ở đại đoàn kết. Đã thăm, tặng hàng nghìn suất quà, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở, đối tượng nghèo mắc bệnh hiểm nghèo nằm viện dài ngày, hỗ trợ khó khăn đột xuất, khám chữa bệnh, giúp học sinh học tập,... cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng số tiền gần 03 tỷ đồng; các cấp hội đã nhận trợ giúp, hỗ trợ 268⁽⁵⁾ hộ thoát nghèo bền vững. Ngoài ra, các cấp hội phối hợp với PGD Ngân hàng chính sách xã hội huyện thực hiện chương trình cho vay ủy thác với tổng dư nợ 530.534⁽⁶⁾ triệu đồng với 11.531 hộ vay, chiếm tỷ lệ 99,01% trên tổng dư nợ, góp phần chuyển tải được nguồn vốn tín dụng của Chính phủ tới hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, các hội đoàn thể xây dựng nhiều mô hình thiết thực, hoạt động hiệu quả, giúp nhân dân vượt qua khó khăn do tác động đại dịch COVID-19 như: “*Gian hàng 0 đồng*”, “*Chuyến xe 0 đồng - Trao gửi yêu thương*”, “*Quầy rau 0 đồng*”, “*Chung tay vượt đại dịch*”, “*Đi chợ giúp dân*”;... Toàn huyện đã tiếp nhận ủng hộ gần 4.500 triệu đồng⁽⁷⁾ và đã phối hợp thực hiện chi hỗ trợ hơn 2.843 triệu đồng; phát động các phong trào hoạt động hiệu quả như: phụ nữ nghèo giúp nhau làm kinh tế gia đình, bằng các hình thức góp vốn xoay vòng; thanh niên lập nghiệp, phụ nữ, nông dân làm kinh tế giỏi, thi đua học tập, sáng tạo, phát triển sản xuất, hướng dẫn cách làm ăn, trao đổi phổ biến những kiến thức, những thông tin về tiến bộ khoa học, kỹ thuật áp dụng vào sản xuất để nâng cao hiệu quả.

Hội Chữ thập đỏ các cấp đã vận động, kêu gọi các nhà hảo tâm, các đơn vị xã hội từ thiện trong và ngoài huyện thăm, tặng quà, hàng hóa, nhu yếu phẩm, trợ cấp khó khăn, khám và cấp phát thuốc miễn phí, duy trì bếp ăn tình thương tại Trung tâm Y tế huyện,... với tổng giá trị ước tính trên 13 tỷ đồng⁽⁸⁾, đã giúp cho nhiều gia đình nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, gia đình khó khăn, bị thiệt hại do thiên tai,... vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

⁽⁵⁾ MTTQ 87 hộ; Hội LHPN: 43 hộ; Hội ND: 62 hộ, Đoàn TN: 57 hộ; Hội CCB: 19 hộ.

⁽⁶⁾ Hội ND: 145.148 triệu đồng/3.169 hộ; Hội LHPN: 290.270 triệu đồng /6.257 hộ; Hội CCB: 49.319 triệu đồng /1.112 hộ; Đoàn TN: 45.797 triệu đồng/993 hộ

⁽⁷⁾ Cấp huyện tiếp nhận hơn 2.334 triệu đồng tiền mặt (UBMTTQVN tình nguyện về 564,5 triệu đồng; vận động tại địa phương hơn 1.769 triệu đồng); cấp xã tiếp nhận hơn 1.125 đồng tiền mặt và 1.036 triệu đồng tiền nhu yếu phẩm.

⁽⁸⁾ Công tác xã hội (trợ giúp 34.001 lượt người/ hơn 10.283 triệu đồng); Công tác chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng (trợ giúp 45.263 lượt người/ hơn 1.443 triệu đồng); Chương trình bếp ăn tình thương: 630 triệu đồng; Công tác phòng ngừa và ứng phó thảm họa (trợ giúp cho hơn 2.500 đối tượng/ hơn 682 triệu đồng),...

b. *Kết quả huy động các nguồn lực với tổng số tiền: 129.393,63 triệu đồng, trong đó:*

* *Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023*

- Tổng kinh phí thực hiện: 10.869,63 triệu đồng, trong đó:

+ Tổng nguồn vốn cấp trên phân bổ: 10.759 triệu đồng (bao gồm nguồn vốn lồng ghép Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 400 triệu đồng).

+ Ngân sách huyện: 110,63 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện tính đến tháng 6/2023 là 2.571.760.000 đồng/10.759.000.000 đồng, đạt 23,9% so tổng nguồn kinh phí được cấp. Số kinh phí còn lại sẽ tiếp tục triển khai thực hiện trong quý 3+4/2023.

* *Chương trình nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023*

- Tổng kinh phí thực hiện: 109.760 triệu đồng, trong đó:

+ Tổng nguồn vốn cấp trên phân bổ: 47.009 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện, xã, thị trấn: 62.751 triệu đồng.

* *Quỹ "Vì người nghèo" các cấp:* Tổng kinh phí các cấp đã huy động lồng ghép thực hiện Chương trình hơn 3.264 triệu đồng⁽⁹⁾.

* *Nguồn khác:* Ngân sách huyện bố trí cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để cho vốn vay giải quyết việc làm 5.500 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, vì vậy cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu giảm nghèo đã thực sự trở thành nhiệm vụ chính trị quan trọng của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và hội đoàn thể các cấp; huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, thu hút sự hưởng ứng, chia sẻ và ủng hộ tích cực của các doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân và của chính hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Trong bối cảnh kinh tế đất nước đang gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng Đảng, Nhà nước vẫn ưu tiên, dành nhiều nguồn lực cho công tác GN-GQVL&ĐTN, an sinh xã hội như: vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ tiền điện, trợ giúp về y tế, giáo dục, nhà ở, đào tạo nghề lao động,... đã phát huy tác dụng tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân, cán bộ, đảng viên được thực hiện thường xuyên. Hầu hết người dân đã nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác GN-GQVL&ĐTN, bản thân

⁽⁹⁾ Quỹ của tỉnh chuyển về: 1.465 triệu đồng; Quỹ cấp huyện: 915,69 triệu đồng; Quỹ cấp xã: 884,15 triệu đồng.

người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày càng có ý thức nỗ lực vươn lên thoát nghèo, dần xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng xã hội.

Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về các dự án, chính sách giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; phát động phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*" giai đoạn 2021-2025 và huy động nguồn lực ngoài ngân sách chăm lo đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Cơ bản việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025 đã được các ngành và địa phương trong huyện thực hiện đến năm 2023 đạt theo kế hoạch đề ra, tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (*theo quy định mới*) chung toàn huyện giảm 4,05% so với kết quả rà soát đầu kỳ (*trong đó năm 2022 giảm 2,33%, ước năm 2023 giảm 1,72%*); các chính sách, dự án giảm nghèo đã thực hiện kịp thời, đầy đủ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, việc làm, xuất khẩu lao động, tiền điện... cơ sở hạ tầng nông thôn dần được đầu tư, hoàn thiện.

2. Hạn chế

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm để chỉ đạo xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện GN-GQVL&ĐTN cụ thể, phù hợp với thực trạng nghèo của địa phương; tổ chức thực hiện thiếu chủ động và còn chậm.

Việc giải ngân kinh phí các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 còn chậm, có dự án đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Công tác chỉ đạo và tổ chức rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm ở cấp xã thực hiện còn hạn chế, chưa xác định chính xác nguyên nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo đã ảnh hưởng chất lượng công tác rà soát và hiệu quả trong triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn. Kết quả chưa bền vững (*giảm hộ nghèo do nhập hộ điều tra, chết, chuyển nơi cư trú*).

Cán bộ phụ trách công tác GN-GQVL&ĐTN ở một số địa phương thiếu ổn định, một số cán bộ mới phụ trách chuyển từ lĩnh vực khác nên trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ hạn chế.

Công tác theo dõi, thống kê, báo cáo kết quả thực hiện công tác GN-GQVL&ĐTN ở cấp xã còn chậm trễ, thiếu sót, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, báo cáo đánh giá cho cấp trên theo quy định.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Đây là những năm đầu tiên thực hiện các dự án của Chương trình, bên cạnh những quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ còn phải chờ sự hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh và của các sở, ngành cấp tỉnh.

Vì vậy tiến độ triển khai các dự án còn chậm, kết quả giải ngân kinh phí chưa đạt theo kế hoạch.

Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện là những hộ neo đơn, bệnh tật, đối tượng bảo trợ xã hội, thiếu lao động, trình độ hạn chế... đã ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án của Chương trình, đặc biệt các dự án liên quan đến công tác đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm nhằm tạo sinh kế bền vững, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác GN-GQVL&ĐTN. Mặt khác, do nguồn thu ngân sách của huyện, xã, thị trấn còn khó khăn nên nguồn lực tài chính bố trí thực hiện chương trình hạn chế, kết quả giảm nghèo chưa cao.

Vai trò của hội, đoàn thể ở một số địa phương, cơ sở chưa được phát huy và thực sự là chỗ dựa cho hộ nghèo; sự phối hợp, chỉ đạo điều hành giữa các phòng, ban, ngành, địa phương tuy có chuyển biến nhưng chưa đều và đồng bộ; việc kiểm tra, giám sát thực hiện chưa thường xuyên.

Công tác tuyên truyền, vận động chưa đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung nên chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, hiệu quả đạt được chưa cao; một bộ phận hộ nghèo, hộ cận nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chưa muốn thoát nghèo để hưởng chính sách.

4. Bài học kinh nghiệm

Thường xuyên quán triệt quan điểm, nâng cao nhận thức trong công tác GN-GQVL&ĐTN là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp đồng bộ của các tổ chức hội, đoàn thể để khơi dậy tiềm năng, phát huy thế mạnh, điều kiện của từng hộ nghèo cùng với sự trợ lực của toàn xã hội sẽ tạo ra sức mạnh tổng lực giúp cho hộ nghèo có cơ hội phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vươn lên thoát nghèo.

Cấp ủy, chính quyền địa phương phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án, chính sách triển khai trên địa bàn và đánh giá kết quả thực hiện theo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, cộng đồng dân cư trong việc lựa chọn, đề xuất các công trình được đầu tư gắn với phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thiết yếu của người dân, địa phương, không dàn trải, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được đầu tư. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để người dân tham gia thi công, quản lý, giám sát đầu tư, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện vai trò giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện dự án, chính sách của các cấp chính quyền. Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có cơ hội tiếp cận, phát triển sản xuất, từng bước thoát nghèo. Kịp thời phát hiện, phản ánh chính quyền các cấp về những tồn tại vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách, dự án của Chương trình.

Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình. Trong quản lý và chỉ đạo thực hiện lồng ghép các chính sách, chương trình, dự án đầu tư đúng đối tượng; đa dạng hoá việc huy động nguồn lực, nhất là chủ động khai thác và sử dụng nguồn lực tại chỗ kết hợp hỗ trợ của Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân và cộng đồng.

Chú trọng công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác GN-GQVL&ĐTN ở cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội và sự tham gia của cộng đồng. Quan tâm xây dựng, tổ chức và bố trí cán bộ có kinh nghiệm, nhiệt tình, tâm huyết làm công tác giảm nghèo các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2025

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho hộ nghèo, người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản; bảo vệ phụ nữ và trẻ em hộ nghèo; thu hẹp về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các nhóm dân cư trên địa bàn.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều bình quân hằng năm 1% theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn dưới 2%, đồng thời duy trì không còn người có công thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu tạo việc làm, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động tình giao hằng năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt trên 80%.
- Duy trì công tác xóa nhà ở đơn sơ cho hộ nghèo giai đoạn 2021-2025.
- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh đều được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.
- Thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người nghèo về trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ xã hội cơ bản.
- 100% cán bộ phụ trách công tác GN-GQVL&ĐTN từ huyện đến cơ sở được tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Trong thời gian đến, việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện có một số thuận lợi cơ bản: Kế thừa, phát triển các thành tựu đã đạt được thời gian qua về tăng trưởng kinh tế - xã hội, khả năng phát huy nội lực, kết hợp với sự tranh thủ tối đa các nguồn lực cấp trên, nguồn vốn các thành phần kinh tế, phát huy lợi thế và tiềm năng sẵn có của huyện. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi sẽ gặp không ít khó khăn: Dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước sẽ có nhiều biến động phức tạp, thời tiết diễn biến bất thường do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất và đời sống của Nhân dân trên địa bàn. Vì vậy, để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đề ra, trong đó chỉ tiêu GN-GQVL&ĐTN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện. Do đó yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, hội đoàn thể và các địa phương cần tập trung tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp sau đây:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm Chi thị số 13/CT-UBND ngày 24/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác GN-GQVL&ĐTN. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ để thực hiện tốt công tác GN-GQVL&ĐTN.

2. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến, nhằm nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, hội đoàn thể và toàn xã hội về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm để lãnh đạo, chỉ đạo, là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu, vừa cấp bách, vừa lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tạo sự đồng thuận, chung tay vì người nghèo của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong triển khai thực hiện mục tiêu GN-GQVL&ĐTN giai đoạn 2021-2025.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, xem đây là mũi nhọn trong công tác tuyên truyền, vận động để thay đổi nhận thức trong thực hiện chủ trương GN-GQVL&ĐTN và thoát nghèo bền vững. Khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, giúp họ nhận thức được trách nhiệm thoát nghèo là của chính gia đình, Nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết để giúp họ thoát nghèo bền vững.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, không ngừng củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện các Chương trình MTQG, trong đó có Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp

cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của cấp chính quyền cơ sở trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ theo dõi công tác giảm nghèo, nhất là cán bộ ở cấp xã; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác GN-GQVL&ĐT theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch; đồng thời, kịp thời sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện; biểu dương, khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể điển hình, gương mẫu trong thực hiện công tác GN-GQVL&ĐT giai đoạn 2021-2025.

Các cơ quan chuyên môn thực hiện các nhóm dịch vụ xã hội cơ bản như giải quyết việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Tăng cường các biện pháp giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ, đảm bảo giải quyết các chỉ số thiếu hụt đa chiều về các dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu dân sinh, ưu tiên đầu tư cho các dự án, công trình phát huy hiệu quả nhanh như giao thông, thủy lợi, quy hoạch sắp xếp dân cư,.. gắn với phát triển sản xuất, tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, giáo dục.

Tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống gắn với quốc phòng, an ninh của địa phương; thực hiện đồng bộ các chính sách, dự án của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với các chương trình lồng ghép khác trên địa bàn để phát huy hiệu quả, phù hợp với điều kiện của từng địa phương và quy hoạch phát triển chung của huyện; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất tăng thu nhập, giúp nâng cao thu nhập ổn định, bền vững cho người dân.

5. Tiếp tục rà soát, đánh giá tình trạng thiếu việc làm, độ tuổi, trình độ, kỹ năng lao động,... theo từng nhóm đối tượng và tình hình thực tế tại địa phương, phối hợp các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh, huyện đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo nghề cho người lao động nhằm phấn đấu đến 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, góp phần hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

Tăng cường phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng tổ chức các Phiên giao dịch việc làm lưu động, các buổi tuyên truyền tư vấn, giới thiệu việc làm tại các xã, thị trấn nhằm kết nối cung - cầu lao động và xuất khẩu lao động; giải quyết kịp thời nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ khó khăn để phục vụ phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện các dịch vụ xã hội cơ bản gắn với tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công, chuyển giao kỹ thuật trước khi giải ngân vốn, đồng thời gắn với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, chính sách thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, các chính sách giảm nghèo thường xuyên như: tín dụng ưu đãi, việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, tiền điện, trợ giúp pháp lý, đồng thời kịp thời thực hiện các chính sách cứu trợ khẩn

cấp, đột xuất do thiên tai, bão lũ, tai nạn, rủi ro,... nhằm giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, các đối tượng gặp khó khăn có cuộc sống ổn định, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

7. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng giai đoạn 2022 - 2025; lựa chọn đội ngũ rà soát viên có chất lượng để tổ chức thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo kết quả chính xác, đúng thực trạng; thực hiện phương pháp quản lý hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo hợp lý, khoa học, làm cơ sở đề xuất các giải pháp hỗ trợ phù hợp theo từng nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo; cương quyết đối với các hộ có đủ điều kiện tổ chức sản xuất, học tập, lao động nhưng có tư tưởng trông chờ thụ hưởng chính sách. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

8. Sử dụng và quản lý có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, kết hợp với nguồn lực xã hội hóa để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; tiếp tục huy động sự đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện tham gia đóng góp Quỹ "Vì người nghèo" để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động giúp đỡ hộ nghèo, hội viên nghèo do các cấp, các ngành, hội, đoàn thể và các nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong xã hội phát động.

9. HEND, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong tổ chức thực hiện các dự án, chính sách GN-GQVL&ĐTN trên địa bàn, đồng thời đề nghị các ngành, các địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương nhằm kịp thời phát hiện hướng dẫn hoặc đề xuất giải quyết những vướng mắc, khó khăn để góp phần thực hiện tốt công tác GN-GQVL&ĐTN và đảm bảo an sinh xã hội./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đồng chí Đoàn Văn Phi - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HEND tỉnh, (b/c)
- Các Ban của Tỉnh ủy,
- Huyện ủy viên,
- HEND, UBND huyện,
- Các Ban của Huyện ủy và TTCT huyện,
- MT và các hội đoàn thể,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Lưu VPHU.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Văn Hùng

PHỤ LỤC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

(Kèm theo Báo cáo số 236-BC/HU, ngày 28 tháng 07 năm 2023 của Huyện ủy Tuy Phước)

Số TT	Loại văn bản	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung	Cơ quan ban hành
1	Kế hoạch	27-KH/HU	14/12/2021	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII Đảng bộ huyện về "Giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025"	Huyện ủy
2	Nghị quyết	02/2021/NQ-HĐND	30/07/2021	Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuy Phước giai đoạn 2021-2025	HĐND huyện
3	Nghị quyết	07/2021/NQ-HĐND	16/12/2021	Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022	HĐND huyện
4	Quyết định	9637/QĐ-UBND	31/12/2021	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025	UBND huyện
5	Quyết định	6047/QĐ-UBND	10/09/2021	Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giám sát thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện	UBND huyện
6	Quy chế	08/QĐ-BCĐ	16/09/2021	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	Trưởng ban Ban Chỉ đạo
7	Quyết định	1736/QĐ-UBND	05/5/2022	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuy Phước	UBND huyện
8	Quyết định	7240/QĐ-UBND	13/10/2022	Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Tuy Phước giai đoạn 2021-2025	UBND huyện
9	Quyết định	7409/QĐ-UBND	21/10/2022	Thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Tuy Phước giai đoạn 2021-2025 (Lĩnh vực giảm nghèo bền vững)	UBND huyện

10	Quyết định	7612/QĐ-UBND	02/11/2022	Thành lập Đoàn giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề ở các xã, trị trấn năm 2022	UBND huyện
11	Quyết định	8574/QĐ-UBND	09/12/2022	Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn huyện	UBND huyện
12	Quy chế	32/QĐ-BCĐCTMTQG	04/11/2022	Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Tuy Phước giai đoạn 2021 - 2025	Trưởng ban BCĐ
13	Quyết định	1435/QĐ-UBND	15/03/2023	Chuyển nguồn kinh phí có mục tiêu ngân sách huyện năm 2022 sang năm 2023 để thực hiện nhiệm vụ chi	UBND huyện
14	Quyết định	2813/QĐ-UBND	21/04/2023	Phân bổ kinh phí có mục tiêu năm 2023 cho Phòng Lao động-TB&XH huyện để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 2023 (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương)	UBND huyện
15	Quyết định	3246/QĐ-UBND	16/05/2023	Phân bổ kinh phí có mục tiêu năm 2023 cho Phòng Lao động-TB&XH để thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên đại bàn huyện năm 2023	UBND huyện
16	Quyết định	3915/QĐ-UBND	02/06/2023	Phân bổ kinh phí có mục tiêu năm 2023 cho Phòng Lao động-TB&XH để thực hiện Dự án 4 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp)	UBND huyện
17	Kế hoạch	97/KH-UBND	11/10/2022	Kế hoạch triển khai công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022	UBND huyện
18	Kế hoạch	89/KH-UBND	08/9/2022	Kế hoạch truyền thông về Chương trình GN-GQVL&ĐTN giai đoạn 2021-2025	UBND huyện
19	Kế hoạch			Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình GN-GQVL&ĐTN hằng năm	UBND huyện
20	Kế hoạch			Kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động hằng năm	UBND huyện
21	Kế hoạch			Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình hằng năm	UBND huyện
22	Kế hoạch			Kế hoạch giám sát, đánh giá hằng năm về kết quả thực hiện Chương trình GN-GQVL&ĐTN giai đoạn 2021-2025	UBND huyện

23	Kế hoạch	43/KH-UBND	18/04/2023	Tổ chức hội nghị đối thoại chính sách về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2023.	UBND huyện
24	Kế hoạch	56/KH-UBND	10/5/2023	Tổ chức các Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện năm 2023	UBND huyện
25	Kế hoạch	57/KH-UBND	15/5/2023	Tổ chức các Phiên giao dịch việc làm trên địa bàn huyện năm 2023	UBND huyện
26	Báo cáo	12/BC-UBND	20/12/2022	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững từ tháng 07/2021 đến tháng 06/2023	UBND huyện
27	Báo cáo	45/BC-UBND	24/02/2022	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023	UBND huyện
28	Báo cáo	137/BC-UBND	19/04/2023	Kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 từ đầu năm 2023 đến nay trên địa bàn huyện	UBND huyện
29	Công văn	1475/UBND-TC	15/09/2022	Phân bổ và giải ngân vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022	UBND huyện
30	Công văn	675/UBND-VX	18/5/2023	Tăng cường thực hiện các giải pháp giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2023	UBND huyện
31	Công văn	702/UBND-TC	23/5/2023	Đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn các Chương trình MTQG năm 2022 kéo dài và năm 2023 trên địa bàn huyện	UBND huyện
32	Công văn	1772/UBND-NN	01/11/2022	Đăng ký nội dung kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3	UBND huyện
33	Công văn	433/UBND-NN	07/04/2023	Đăng ký nội dung kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, thuộc Dự án 3 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	UBND huyện

PHỤ LỤC

**Kết quả 2,5 năm thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện**
(Kèm theo Báo cáo số 236-BC/HU, ngày 28 tháng 07 năm 2023 của Huyện ủy Tuy Phước)

Số TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Ước 6 tháng năm 2023
1	Tỷ lệ nghèo				
1.1	Chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2021				
	+ Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,93		
	Tổng số hộ nghèo	Hộ	1.033		
	Tổng số người nghèo	Người	2.805		
	Số hộ thoát nghèo (Vượt nghèo)	Hộ	149		
	Số hộ rơi vào nghèo (Nghèo mới)	Hộ			
	+ Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	1,49		
	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ	796		
	Tổng số người cận nghèo	Người	2.385		
	Số hộ thoát cận nghèo (Vượt cận nghèo)	Hộ	102		
	Số hộ rơi vào cận nghèo (cận nghèo mới)	Hộ			
1.2	Chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025				
	Tỷ lệ nghèo đa chiều		8,27	5,94	
	+ Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,93	3,53	
	Tổng số hộ nghèo	Hộ	2.638	1.934	
	Tổng số người nghèo	Người	7.218	5.270	
	Số hộ thoát nghèo (Vượt nghèo)	Hộ	89	932	
	Số hộ rơi vào nghèo (Nghèo mới)	Hộ	1.209	228	
	+ Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	3,34	2,41	
	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ	1.786	1.319	
	Tổng số người cận nghèo	Người	4.797	3.583	
	Số hộ thoát cận nghèo (Vượt cận nghèo)	Hộ	382	823	
	Số hộ rơi vào cận nghèo (cận nghèo mới)	Hộ	1.270	356	
2	Tạo việc làm	Người	1.429	3.439	3.422
	Trong đó: Xuất khẩu lao động	Người	26	44	34
3	Đào tạo nghề cho người lao động				
	Tổng số lớp	Lớp	6	10	15
	Tổng số học viên	Người	169	350	511
	Tổng số tiền thực hiện	Tr.đồng	304,62	615,3	1.536,88
	Trong đó:				
3.1	+ Lĩnh vực nông nghiệp				

	- Số lớp	Lớp	1	10	5
	- Số học viên	Người	35	350	175
	- Số tiền thực hiện	Tr.đồng	51,00	615,30	504,95
3.2	+ Lĩnh vực phi nông nghiệp				
	- Số lớp	Lớp	5		10
	- Số học viên	Người	134		336
	- Số tiền thực hiện	Tr.đồng	253,62		1.031,93
4	Chính sách hỗ trợ về y tế				
4.1	Tổng số thẻ BHYT đã cấp và gia hạn	Người	35.827	39.264	37.151
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Số thẻ BHYT trẻ em	Người	18.371	17.497	17.313
	+ Số thẻ BHYT người có công	Người	3.658	3.559	3.536
	+ Số thẻ BHYT người từ 80 tuổi trở lên	Người	4.991	4.968	4.916
	+ Số thẻ BHYT các đối tượng BTXH	Người	4.536	4.848	4.980
	+ Số thẻ BHYT cho người Cựu chiến binh	Người	83	82	81
	+ Số thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo	Người	4.188	8.310	6.325
	Tỷ lệ bao phủ BHYT	%	92,9	94,61	94,42
4.2	Tổng số lượt người dân khám chữa bệnh	Lượt	123.422	143.714	65.450
	<i>Trong đó: người nghèo, cận nghèo</i>	Lượt	286	696	241
	Tổng kinh phí KCB cho người nghèo	Tr.đồng	104,10	281,30	101,20
5	Chính sách hỗ trợ về giáo dục	Tr.đồng			
5.1	Số học sinh hỗ trợ miễn, giảm, cấp bù học phí	em	493	3.960	769
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	189,97	1.131,89	352,69
5.2	Số học sinh hỗ trợ chi phí học tập	em	531	2.730	939
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	260,22	1.734,50	702,30
5.3	Số học sinh khuyết tật được hỗ trợ	em	23	48	16
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	169,65	284,00	136,78
5.4	Số trẻ em mầm non, mẫu giáo hỗ trợ ăn trưa	em	95	367	169
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	72,29	236,32	137,76
5.5	Số học sinh, sinh viên hỗ trợ theo NĐ81	em	12	16	4
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	76,46	97,73	34,98
6	Trợ cấp hàng tháng				
6.1	<i>Đối với người có công</i>				
	Tổng số đối tượng	Người	1.567	1.506	1.484
	Tổng số tiền thực hiện	Tr.đồng	29.731	31.000	14.734
6.2	<i>Đối với đối tượng bảo trợ xã hội</i>				
	Tổng số đối tượng	Người	10.317	10.589	10.667
	Tổng số tiền thực hiện	Tr.đồng	65.000	78.000	42.406
7	Chính sách hỗ trợ tiền điện				

	Số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ	Lượt	5.054	8.122	4.000
	Tổng số tiền thực hiện	Tr.đồng	858,30	1.805,12	670
8	Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo				
	+ Số nhà đã hỗ trợ	Nhà	16	27	22
	+ Tổng số tiền	Tr.đồng	726	1.320	1.035
9	Chính sách tín dụng cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách khác				
	Doanh số cho vay	Tr.đồng	150.646	173.667	90.684
	Số lượt hộ vay vốn	Lượt	4.064	4.280	2.470
	Tổng số hộ dư nợ vay	Lượt	10.897	11.252	11.661
	Tổng dự nợ vay	Tr.đồng	420.795	488.422	535.818
	<i>Trong đó:</i>				
	+ Dư nợ cho vay hộ nghèo	Tr.đồng	36.406	39.659	41.659
	Số hộ nghèo vay	Hộ	796	868	893
	+ Dư nợ cho vay hộ cận nghèo	Tr.đồng	42.264	39.470	38.470
	Số hộ vay	Hộ	877	850	835
	+ Dư nợ cho vay hộ mới thoát nghèo	Tr.đồng	46.588	36.098	36.098
	Số hộ vay	Hộ	959	764	737
	+ Dư nợ cho vay học sinh, sinh viên có HCKK	Tr.đồng	76.612	93.112	104.112
	Số hộ vay	Hộ	2.041	2.120	2.155
	+ Dư nợ cho vay giải quyết việc làm	Tr.đồng	80.744	120.841	140.840
	Số hộ vay	Hộ	2.133	2.947	3.393
	+ Dư nợ cho vay xuất khẩu lao động	Tr.đồng	1.737	1.646	1.209
	Số hộ vay	Hộ	23	22	17
	+ Dư nợ cho vay nước sạch vệ sinh MTNT	Tr.đồng	109.569	123.369	134.369
	Số hộ vay	Hộ	6.710	6.942	7.370
	Số công trình	C.trình	2.987	3.465	2.075
	+ Dư nợ cho vay chương trình, dự án khác	Tr.đồng	26.875	34.227	39.061
	Số hộ vay	Hộ	436	375	295
10	Kết quả vận động Quỹ "Vì người nghèo"	Tr.đồng	870,421	1329,961	1064,45
	- Quỹ của tỉnh chuyển về	Tr.đồng	250	490	725
	- Quỹ của cấp huyện	Tr.đồng	276,6	429,776	209,31
	- Quỹ của cấp xã	Tr.đồng	343,821	410,185	130,14
	- Nguồn thu khác	Tr.đồng			
11	Công tác thăm, tặng quà (lễ, tết, ngày kỷ niệm, ...)				
	Số suất	Suất	13.348	18.402	18.233
	Số tiền	Tr.đồng	4.500	7.000	6.800
	<i>Trong đó</i>				
<i>a</i>	<i>Quà Tết cho hộ nghèo (NS tỉnh)</i>				

	<i>Số suất</i>	<i>Suất</i>	<i>1.181</i>	<i>2.634</i>	<i>1.934</i>
	<i>Số tiền</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>590,5</i>	<i>1.317</i>	<i>967</i>
<i>b</i>	<i>Quà Tết cho hộ cận nghèo (Quỹ VNN huyện)</i>				
	<i>Số suất</i>	<i>Suất</i>	<i>898</i>	<i>1.641</i>	<i>1.126</i>
	<i>Số tiền</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>269,4</i>	<i>492,3</i>	<i>337,8</i>
12	Ngân sách huyện hỗ trợ vốn vay GQVL	<i>Tr.đồng</i>	<i>1.500</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>

BẢNG TỔNG HỢP

Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số 236-BC/HU, ngày 28 tháng 07 năm 2023 của Huyện ủy Tuy Phước)

Số TT	Tên Chương trình, Dự án, Tiêu Dự án triển khai thực hiện trên địa bàn	2022			2023					2021-2023			Ghi chú	
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Năm 2022 chuyển sang	Phân bổ năm 2023	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện	Tỷ lệ	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ		
1	DA2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	870.000		0,00%	870.000	2.352.000	3.222.000		0,00%	3.222.000	0,00%	0,00%	0,00%	Quý 3+4
2	Tiểu DAI (DA3): Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	433.000		0,00%	433.000	1.343.000	1.776.000		0,00%	1.776.000	0,00%	0,00%	0,00%	Quý 3+4
3	DA4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.389.000	462.800	0	926.200	3.411.000	4.337.200	1.589.480	36,65%	4.800.000	2.052.280	42,76%		
3.1	Tiểu DAI (DA 4): Phát triển giáo dục nghề nghiệp	1.148.000	462.800	0		3.411.000	3.411.000	1.536.880	45,06%	4.559.000	1.999.680	43,86%		
	+ Phòng Lao động - TB&XH	1.148.000	462.800	40,31%	685.200	1.224.000	1.909.200	1.536.880	80,50%	2.372.000	1.999.680	84,30%		
	+ Trung tâm GDNN-GDTX huyện					2.187.000	2.187.000		0,00%	2.187.000	0,00%	0,00%		Quý 3+4
3.2	Tiểu DA3 (DA4): Hỗ trợ việc làm bền vững (thực hiện thu thập cung - cầu lao động)	241.000		0,00%	241.000		241.000	52.600	21,83%	241.000	52.600	21,83%		
4	Tiểu DA2 (DA6): Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	26.000	26.000	100%		128.000	128.000		0,00%	154.000	26.000	16,88%		Quý 3+4
5	DA7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá	299.000	215.050	71,92%	83.950	508.000	591.950	278.430	47,04%	807.000	493.480	61,15%		Quý 3+4
5.1	Tiểu DA 1: Nâng cao năng lực	195.000	111.300	57,08%	83.700	331.000	414.700	278.430	67,14%	526.000	389.730	74,09%		
5.2	Tiểu DA 2: Giám sát đánh giá	104.000	103.750	99,76%	250	177.000	177.250		0,00%	281.000	103.750	36,92%		
Tổng cộng		3.017.000	703.850	23,33%	2.313.150	7.742.000	10.055.150	1.867.910	18,58%	10.759.000	2.571.760	23,90%		